



UNITED NATIONS
VIET NAM



HỘI THẢO THAM VẤN KHUNG CHIẾN LƯỢC HỢP TÁC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIỮA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM VÀ LIÊN HỢP QUỐC GIAI ĐOẠN 2022-2026

*Phần 2: Các Kết quả của Khung hợp tác
và Lý thuyết về sự Thay đổi*

Kết quả 1: Phát triển Xã hội Bao trùm



Tổng quan

- **Bài trình bày này gồm những nội dung chính sau:**
 1. Phân tích vấn đề tóm tắt
 2. Lý thuyết về sự thay đổi: Đề xuất của Liên hợp quốc và Không để lại ai phía sau (các chỉ tiêu LNOB)
 3. Vấn đề xuyên suốt
 4. Giả định, rủi ro và quan hệ đối tác
 5. Câu hỏi hướng dẫn thảo luận



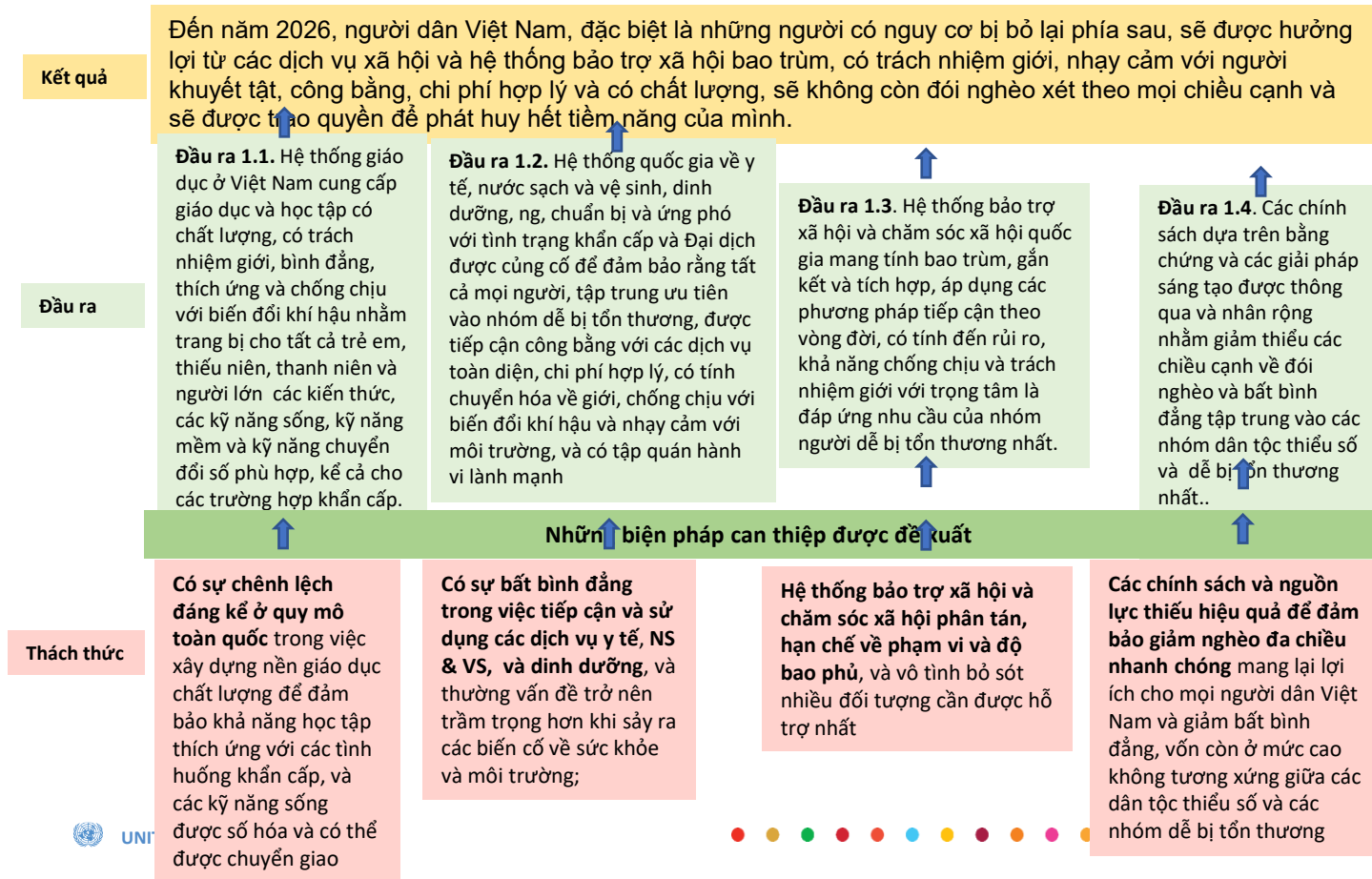
Phân tích vấn đề tóm tắt

- Hiệu suất ấn tượng trên nhiều chỉ số kinh tế và xã hội.
- Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm từ 9% năm 2016 xuống còn 5,7% năm 2019.
- Các chỉ số về giáo dục và y tế được cải thiện với mức độ tiếp cận cao hơn bao giờ hết.
- Nhìn chung khả năng tiếp cận nước uống và vệ sinh cơ bản đã tăng lên và gần 90% số hộ gia đình trên cả nước hiện sử dụng nhà vệ sinh hợp vệ sinh.



- Phân tích tổng thể xác định bốn thách thức chính ảnh hưởng đến việc cung cấp các dịch vụ xã hội và các hệ thống bảo trợ xã hội cũng như việc đạt được các Mục tiêu Phát triển bền vững: (i) **Sự chênh lệch đáng kể** trên toàn quốc trong việc cung cấp giáo dục có chất lượng để đảm bảo khả năng học tập mau phục hồi trong trường hợp khẩn cấp, các kỹ năng mềm về cuộc sống và kỹ năng công nghệ số; (ii) **Tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế, nước sạch và vệ sinh và dinh dưỡng** không bình đẳng, thường bị trầm trọng hơn do các cú sốc về sức khỏe và môi trường; (iii) Hệ thống bảo trợ xã hội và chăm sóc xã hội **bị hạn chế về phạm vi và diện bao phủ, và vô tình bỏ sót nhiều đối tượng** cần được hỗ trợ nhất; và (iv) **Các chính sách và năng lực không hiệu quả để đảm bảo giảm nghèo đa chiều nhanh chóng mang lại lợi ích** cho tất cả người Việt Nam và giảm bất bình đẳng, vốn cao không tương xứng giữa các dân tộc thiểu số và các nhóm dễ bị tổn thương.

Lý thuyết thay đổi (Kết quả 1)



Thách thức

(i) Sự chênh lệch đáng kể trên toàn quốc trong việc cung cấp giáo dục có chất lượng để đảm bảo khả năng học tập mau phục hồi trong trường hợp khẩn cấp, các kỹ năng mềm về cuộc sống và kỹ năng công nghệ số.

- Nâng cao năng lực của địa phương và quốc gia để tăng cường các chính sách, lập kế hoạch và tài chính đáp ứng giới, sáng suốt về khí hậu, đổi mới và bao trùm cho các cơ hội học tập có chất lượng.
- Tăng cường khả năng tiếp cận học tập công bằng, sáng tạo, có khả năng phục hồi trong trường hợp khẩn cấp, các kỹ năng mềm về cuộc sống và kỹ thuật số, sự tham gia và gắn kết cho tất cả trẻ em, thiếu niên và thanh niên, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương nhất.
- Nâng cao nhận thức và trang bị kiến thức, kỹ năng cho cộng đồng, gia đình, cha mẹ, chuyên gia giáo dục, người chăm sóc, trẻ em, thiếu niên và thanh niên để góp phần thay đổi tích cực các chuẩn mực xã hội và giới có hại.

Thách thức

(ii) Tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế, nước sạch và vệ sinh và dinh dưỡng không bình đẳng, thường bị trầm trọng hơn do các cú sốc về sức khỏe và môi trường.

- Hỗ trợ việc ra quyết định và chính sách dựa trên bằng chứng bao gồm hệ thống thông tin quản lý sức khỏe, giám sát bệnh tật và theo dõi các xu hướng sức khỏe.
- Tăng cường hệ thống quản trị, bao gồm các khuôn khổ pháp lý và quy định, đặc biệt là đối với các nhóm dân cư dễ bị tổn thương.
- Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và vận động dựa trên bằng chứng để xây dựng các chính sách và kế hoạch quốc gia và địa phương tập trung vào sức khỏe sinh sản, bà mẹ, trẻ em, trẻ sơ sinh, vị thành niên, dinh dưỡng, chăm sóc tổng hợp cho người cao tuổi, bệnh không lây nhiễm, HIV, sức khỏe môi trường và sức khỏe người di cư.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho các nguồn tài chính đổi mới, khu vực tư nhân, và các công nghệ và tài chính công ở các tỉnh thành.
- Thí điểm các biện pháp can thiệp sáng tạo và nâng cao năng lực để cải thiện khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ của các nhóm dân cư dễ bị tổn thương.
- Đối phó với các mối đe dọa đối với an ninh y tế toàn cầu bao gồm COVID-19 thông qua việc thúc đẩy quan hệ đối tác giữa các lĩnh vực, các đối tác phát triển và xã hội dân sự và khu vực tư nhân.

Thách thức

(iii) Hệ thống bảo trợ xã hội và chăm sóc xã hội bị hạn chế về phạm vi và diện bao phủ, và vô tình bỏ sót nhiều đối tượng cần được hỗ trợ nhất.

- Cung cấp tư vấn chính sách và các giải pháp sáng tạo cho khuôn khổ bảo trợ xã hội ứng phó với đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu và các trường hợp khẩn cấp về thiên tai.
- Thúc đẩy và hỗ trợ cải cách chính sách dựa trên bằng chứng để mở rộng độ bao phủ của các cơ chế bảo trợ xã hội và bảo hiểm xã hội.
- Vận động, tư vấn chính sách dựa trên bằng chứng và hỗ trợ kỹ thuật để tăng cường hỗ trợ chăm sóc bằng cách tăng cường các khuôn khổ, cải thiện lực lượng lao động và đáp ứng các dịch vụ xã hội, cải cách chính sách và các khuôn khổ trợ giúp xã hội và chăm sóc xã hội.
- Hỗ trợ chuyển đổi kỹ thuật số để người thụ hưởng tự điều chỉnh, quản lý hệ thống bảo trợ xã hội và cung cấp dịch vụ để tăng phạm vi tiếp cận, chất lượng và tính minh bạch.
- Cải thiện khả năng tiếp cận thông tin và các cơ chế hỗ trợ sẵn có tập trung vào các nhóm dễ bị tổn thương.

Thách thức

(iv) Các chính sách và năng lực không hiệu quả để đảm bảo giảm nghèo đa chiều nhanh chóng mang lại lợi ích cho tất cả người Việt Nam và giảm bất bình đẳng, vốn cao không tương xứng giữa các dân tộc thiểu số và các nhóm dễ bị tổn thương.

- Hỗ trợ hoàn thiện khung khổ, chính sách, chương trình và ngân sách giảm nghèo đa chiều quốc gia nhằm tăng cường các nỗ lực giảm nghèo đa chiều.
- Thúc đẩy các nền tảng đa bên liên quan nhằm tăng cường các doanh nghiệp do phụ nữ và người dân tộc thiểu số lãnh đạo nhằm tạo ra việc làm bền vững và cải thiện sinh kế.
- Cung cấp tư vấn chính sách và hỗ trợ kỹ thuật cho các giải pháp sáng tạo và tăng cường khuôn khổ lập quy để trao quyền cho người dân tộc thiểu số và phụ nữ tạo và tiếp cận sinh kế bền vững và tiếp cận các dịch vụ.
- Tư vấn và vận động cho các chính sách dựa trên bằng chứng về xã hội hóa các dịch vụ xã hội nhằm nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả, minh bạch, công bằng và bao trùm của việc cung cấp các dịch vụ xã hội.

Lý thuyết về sự thay đổi: Đề xuất của Liên hợp quốc và các Chỉ tiêu Không để lại ai phía sau (LNOB)

Các nhóm LNOB được xác định là :

- | | |
|--|---|
| a) Các dân tộc thiểu số | e) Người LGBTQI; |
| b) Người khuyết tật | f) Những người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, |
| c) Người di cư | và |
| d) Người dân sống ở vùng dễ bị thiên tai | g) Các trọng điểm nhân khẩu học gồm Trẻ em, Thanh niên, Phụ nữ và Người cao tuổi. |

TAI SAO?



- Sự giàu có ngày càng tăng ở Việt Nam **đã tạo ra sự bất bình đẳng sâu sắc do khoảng cách thu nhập ngày càng tăng giữa các nhóm xã hội và vùng miền**, cũng như khả năng tiếp cận không bình đẳng đối với các dịch vụ xã hội bao trùm, đặc biệt là về y tế, dinh dưỡng, Nước, Vệ sinh cảnh quan và Vệ sinh cá nhân (WASH), bảo trợ xã hội, bảo vệ trẻ em, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi và giáo dục.
- Vẫn còn tồn tại các nhóm nghèo đa chiều (MDP) trên khắp đất nước **chủ yếu ở các nhóm dễ bị tổn thương**, những người có danh tính LNOB giao nhau và thậm chí **cả trẻ em từ các hộ gia đình không nghèo**.
- Phân tích xác định cần có một nỗ lực phối hợp để giải quyết tình trạng **thiếu cơ hội cho người dân tộc thiểu số và người nghèo ở nông thôn**.

Các vấn đề xuyên suốt

Các ưu tiên xuyên suốt để hướng dẫn và tập trung giám sát Khung hợp tác đã được xác nhận là :

- (a) Quyền con người;
- (b) Công bằng và bao trùm;
- (c) Bình đẳng giới;
- (d) Biến đổi khí hậu;
- (e) Ứng phó Nhân đạo & Đại dịch.



Giả định, rủi ro và quan hệ đối tác

Lý thuyết về sự thay đổi dựa trên các giả định tổng thể rằng :

- Các cộng đồng dễ bị tổn thương nhất sẽ tiếp tục được ưu tiên;
- Hệ thống dữ liệu quốc gia sẽ cải thiện việc giám sát và đánh giá các can thiệp;
- Các phương pháp tiếp cận phát triển sẽ dựa trên quyền;
- Cam kết thúc đẩy ứng phó với HIV vẫn ở mức cao;
- Cam kết của chính phủ đối với IR4.0 và chuyển đổi kỹ thuật số với việc hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng vẫn ở mức cao;
- Đầu tư vào phát triển vốn xã hội bao gồm bảo trợ xã hội sẽ vẫn là cam kết của chính phủ.

Các rủi ro được xác định

- COVID-19 hoặc các tác động tiêu cực kéo dài đến kinh tế xã hội của các đại dịch khác làm gia tăng sự bất bình đẳng cho những người có tình trạng dễ bị tổn thương.
- Thay đổi bối cảnh tài chính và quỹ công để đầu tư thỏa đáng vào các chương trình phát triển xã hội cụ thể.
- Giảm tham vọng tài trợ cho các mục tiêu phát triển bền vững từ các đối tác phát triển và thay đổi các ưu tiên.
- Những thay đổi trong lãnh đạo của chính phủ, mở rộng các thách thức xã hội hóa đối với sự công bằng, khả năng chi trả và khả năng tiếp cận của các nhóm dễ bị tổn thương đối với các dịch vụ xã hội.

Quan hệ đối tác sẽ cần bao gồm nhiều bên liên quan khác nhau theo cách tiếp cận toàn xã hội

- Các quan hệ đối tác với các Tổ chức Tài chính Quốc tế và các đối tác phát triển để huy động các nguồn lực cần thiết tài trợ cho các mục tiêu phát triển bền vững và thúc đẩy đổi mới.
- Mở các cuộc đối thoại mới để huy động và thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân Việt Nam đóng góp vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.
- Tận dụng các mối quan hệ đối tác của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, năng lượng sạch, chính sách STEM, đổi mới, hệ thống y tế và tài chính đổi mới bằng cách thúc đẩy hợp tác giữa chính phủ, doanh nghiệp, giới học thuật và cộng đồng để đổi mới kinh doanh và các tác động xã hội.
- Liên kết khu vực công và tư nhân, các hiệp hội người sử dụng lao động - người lao động trong việc nuôi dưỡng lực lượng lao động và quan hệ lao động lành mạnh.
- Hợp tác với các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các mạng lưới dân sự và cộng đồng để thúc đẩy quản trị tốt, cải cách luật pháp và công lý, đồng thời giải quyết các thách thức xã hội.
- Hợp tác với các tổ chức toàn cầu khác và mạng lưới đối tác khu vực để hỗ trợ các vấn đề xuyên biên giới, đặc biệt là về hành động biến đổi khí hậu, ô nhiễm, các IFF và buôn bán người xuyên biên giới.

Câu hỏi hướng dẫn

- (i) Về tổng thể Lý thuyết về sự thay đổi (ToC) và đề xuất của Liên hợp quốc có phản ánh thực tế của Việt Nam, lợi thế so sánh của Liên hợp quốc và các biện pháp thúc đẩy để hỗ trợ tiến bộ đạt được các Mục tiêu Phát triển bền vững không?
- (ii) Các nhóm LNOB mục tiêu có tương ứng với những nhóm có nguy cơ cao nhất không và các đề xuất của LHQ có đáp ứng đầy đủ các nhu cầu chính của LNOB không?
- (iii) Các vấn đề xuyên suốt có được xác định và nắm bắt một cách chính xác trong cách tiếp cận của LHQ không?
- (iv) Các giả định cho Lý thuyết về sự thay đổi có đủ thực tế và toàn diện không? Liệu bất kỳ giả định nào trong số này có thể được giảm nhẹ một cách thích đáng thông qua các biện pháp can thiệp do Liên Hợp Quốc đề xuất không?
- (v) Các rủi ro có được nắm bắt đầy đủ và phản ánh tác động tiềm tàng của các sự kiện và khủng hoảng lớn, ví dụ: COVID-19, thiên tai, ô nhiễm ngày càng trầm trọng, v.v...?
- (vi) Các quan hệ đối tác chiến lược nào sẽ củng cố đề xuất của Liên hợp quốc? Có các mối quan hệ đối tác / hợp tác bổ sung nào có thể tạo tác động chuyển đổi trong việc đạt được Lý thuyết về sự thay đổi không?



CẢM ƠN!

FOLLOW US
@SOCIAL MEDIA
WEBSITE